

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày 20-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Thân Trọng Khôi
- **Các hội thẩm nhân dân:** Ông: Lê Công Sỹ
Ông: Đặng Bình Minh
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2022; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 04/5/2022 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông: Lê Xuân B, sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1962, đều làm ruộng tại thôn 1, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; gia đình có 3 chị em bản thân là thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị G, sinh năm 1987 làm công nhân và có 2 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013.

Nhân thân: Quyết định số 02 ngày 15/7/2016 của TAND huyện Lạng Giang buộc Lê Văn T phải đi cai nghiện thời hạn 12 tháng. Chấp hành xong ngày 21/7/2017.

Tiền án: Bản án số 52/2019/HS-ST ngày 28/6/2019 của TAND huyện Lạng Giang xử phạt T 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp xác định là 13.030.000đ). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2020.

Tiền sự: Không.

- Bị cáo đầu thú bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/3/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Lạng Giang (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

1. Chị Hoàng Thị K, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn K, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Đồng Xuân C, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn 2, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Chị Trần Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bản cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 20/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang truy tố Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 13 giờ ngày 09/3/2022, Lê Văn T, sinh năm 1986, trú tại thôn 1, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đi bộ qua đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện Lạng Giang phát hiện 01 chiếc xe mô tô Angel, màu xanh dương, biển kiểm soát 98L6-3025 của anh Đồng Xuân C, sinh năm 1980 ở thôn 2, xã A, huyện Lạng Giang đang dựng bên phải đường theo hướng đi của mình, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. Sau đó, T tiến đến dùng chiếc vạm phá khóa hình chữ T, bằng kim loại, một đầu dẹt nhọn do T tự chế từ trước mang theo trên người, mở được ổ khóa điện chiếc xe mô tô 98L6-3025, rồi ngồi lên xe nổ máy, điều khiển đi đến nhà chị Trần Thị H, sinh năm 1986 ở tổ dân phố số 3, thị trấn K, huyện Lạng Giang đặt chiếc xe mô tô này làm tin để vay chị H số tiền 800.000 đồng. Khi đặt xe làm tin, T nói dối với chị H là xe của mình, chị H yêu cầu T đứng cạnh xe mô tô để chụp ảnh lại rồi mới đưa tiền. Số tiền đặt xe, T dùng 380.000 đồng mua ma túy của một người không quen biết sử dụng hết, còn lại số tiền 420.000 đồng T cất vào ví.

Ngày 09/3/2022, ngay sau khi anh C phát hiện xe mô tô bị trộm cắp, đã đến Công an thị trấn K trình báo sự việc (BL 74). Cùng ngày 09/3/2022, T đến Công an thị trấn K, huyện Lạng Giang đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lạng Giang và giao nộp: 01 vật bằng kim loại hình chữ T một đầu dẹt nhọn; 01 ví gia màu vàng nâu bên trong ví có số tiền 420.000 đồng, đồng thời khai nhận thêm, trước đó vào khoảng 14 giờ ngày 04/3/2022, T đi bộ qua khu vực nghĩa trang thôn K, xã A, huyện Lạng Giang, phát hiện 01 chiếc xe máy điện màu đỏ đen, biển kiểm soát 98MD5-047.48 của chị Hoàng Thị K, sinh năm 1965 ở thôn K, xã A, huyện Lạng Giang đang dựng sát tường nghĩa trang, không có người trông coi nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. T đã tiến đến dùng vạm hình chữ T mở khóa được chiếc xe máy điện 98MD5-047.48 rồi lên xe điều khiển đi đến nhà chị Trần Thị H đặt làm tin để vay tiền sử dụng chi tiêu cá nhân. Trên đường đi, để tránh bị phát hiện, T đã tháo biển kiểm soát của xe máy điện 98MD5-047.48 và vứt đi. Khi đến nhà chị H, T nói chiếc xe máy điện này là của T, rồi đặt xe làm tin vay chị H số tiền 1.500.000 đồng; số tiền này, T đã dùng mua ma túy của một người không quen biết sử dụng hết. Cũng cùng ngày 09/3/2022, chị Trần Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 98L6-3025; 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Emobike màu đỏ đen không có biển kiểm soát và 01 ảnh chụp Lê Văn T đứng cạnh xe mô tô 98L6-3025.

Ngày 10/3/2022, chị Hoàng Thị K đến Công an xã A, huyện Lạng Giang trình báo sự việc bị mất chiếc xe máy điện 98MD5-047.48 (BL 91).

Tại bản kết luận định giá tài sản, số 19 ngày 11/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Lạng Giang kết luận:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, màu xanh, biển kiểm soát 98L6-3025 có giá 2.200.000 đồng.

- 01 xe máy điện nhãn hiệu Emobike, màu đen, biển kiểm soát 98MD5-047.48 có giá 1.600.000 đồng (BL 47).

Ngày 15/3/2022, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy tìm 01 chiếc biển kiểm soát xe máy điện số 98MDD-047.48. Do không xác định được Tâm vứt chiếc biển số này ở đâu nên chưa thu hồi được.

Ngày 22/3/2022, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại 01 chiếc xe mô tô Angel, biển kiểm soát 98L6-3025 cho anh Đồng Xuân C và trả lại 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Emobike, không có biển kiểm soát cho chị Hoàng Thị K (BL 59).

Tại cơ quan điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên; người bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều có lời khai phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai như đã khai tại cơ quan điều tra và Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định việc bị cáo khai tại cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, không hề bị cưỡng bức, đánh đập, ép buộc hay bị bức cung hoặc dùng nhục hình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang xác định lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; phù hợp với thời gian, địa điểm phạm tội; biên bản xác định hiện trường + sơ đồ, bản ảnh hiện trường; tang vật chứng thu giữ; kết luận định giá tài sản; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Văn T từ 09 đến 12 tháng tù giam, thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/3/2022. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xem xét trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với bản luận tội và buộc tội của vị đại diện Viện kiểm sát, mà xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi và quyết định của những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhưng vắng mặt không có lý do. HĐXX thấy sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng

này không gây trở ngại tới việc xét xử đối với vụ án và bị cáo. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh và khung hình phạt áp dụng: Xác định được Lê Văn T là đối tượng nghiện ma túy, đã có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; để có tiền mua ma túy sử dụng và chi tiêu cá nhân, từ ngày 04/3/2022 đến ngày 09/3/2022, T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện Lạng Giang, cụ thể:

- Vụ thứ nhất: Khoảng hơn 14 giờ ngày 04/3/2022, tại khu vực nghĩa trang thuộc thôn K, xã A, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; Lê Văn T có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu Emobike, biển kiểm soát 98MD5- 047.48, trị giá 1.600.000 đồng là tài sản của chị Hoàng Thị K.

- Vụ thứ hai: Khoảng hơn 13 giờ ngày 09/3/2022, tại đoạn đường tỉnh 292 thuộc địa phận tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện Lạng Giang; Lê Văn T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Angel, biển kiểm soát 98L6-3025, của anh Đồng Xuân C, trị giá tài sản trộm cắp là 2.200.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Lê Văn T trộm cắp được xác định là 3.800.000 đồng.

Tại Điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Như vậy, HĐXX xét thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần xử lý đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 20/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn Tâm là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học sửa chữa rút kinh nghiệm mà tiếp tục phạm tội; Tại Bản án số 52/2019/HSST, ngày 28/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xử phạt Lê Văn T 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 16/4/2020 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xóa án tích thì ngày 04/3/2022 T lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 1.600.000đ, như vậy tiền án này được coi là cấu thành tội phạm thực hiện ngày 04/3/2022; tiếp đó ngày 09/3/2022 T lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trị giá 2.200.000đ. Như vậy cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo xuất thân từ thành phần con em người lao động nông nghiệp, sau khi phạm tội ngày 09/3/2022 bị cáo đã đầu thú và tự thú khai nhận hành vi phạm tội ngày 04/3/2022, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả người bị hại, nay người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, quá

trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên cần áp dụng điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, để bị cáo sớm có điều kiện trở về làm ăn lương thiện cùng với gia đình.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo trộm cắp tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, nên ngoài hình phạt chính lẽ ra cần áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để sung công quỹ nhà nước; song xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, không có tài sản riêng, sống phụ thuộc vào gia đình, nên cần miễn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, để bị cáo yên tâm cải tạo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Hoàng Thị K và anh Đồng Xuân C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng và tài sản: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 chiếc vạm bằng kim loại hình chữ T một đầu dẹt nhọn đây là vật chứng của vụ án giá trị không lớn cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 420.000 đồng và 01 ví giả da màu vàng nâu, đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với chị Trần Thị H, là người nhận cầm xe mô tô 98L6-3025 và xe máy điện 98MD5-047.48 để cho T vay 2.300.000đ, nhưng chị H không biết các tài sản này là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện không đề cập xử lý. HĐXX xét thấy là phù hợp. Quá trình điều tra chị H yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả chị H 2.300.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đồng ý sẽ có trách nhiệm hoàn trả chị H số tiền 2.300.000 đồng. HĐXX xét thấy ý kiến trên của bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội cần chấp nhận. Do vậy cần buộc bị cáo T phải hoàn trả cho chị H 2.300.000đ.

Án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm r, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Điều 292; 299; 326; 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 09/3/2022.

* Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điều 357; 463; 466 Bộ luật Dân sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc vạm bằng kim loại hình chữ T một đầu dẹt nhọn.

- Hoàn trả lại bị cáo T 420.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam và 01 ví giả da màu vàng nâu, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Buộc bị cáo Lê Văn T phải hoàn trả cho chị Trần Thị H 2.300.000đ.

* Về án phí: Áp dụng Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- Công an huyện Lạng Giang;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi